TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 532/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 306/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Tiên A, sinh năm 1988; Căn cước công dân số: 04918800xxxx do Cục Trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 23/11/2022;

Địa chỉ: xã V, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bị đơn: Ông Phan H, sinh năm 1987; Căn cước công dân số: 05208700xxxx do Cục Trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 23/11/2022;

Địa chỉ: xã V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị Tiên A và ông Phan H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Tiên A và ông Phan Hiếu thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2012, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân

xã A, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là Ủy ban nhân dân xã A1, tỉnh Gia Lai) cấp ngày 12/6/2012 không còn giá trị pháp lý).

2.2. Về con chung: Giao trẻ Phan Bảo N, sinh ngày 25/12/2012 cho ông Phan H trực tiếp nuôi dưỡng và giao trẻ Phan Nhã T1, sinh ngày 06/7/2014 cho bà Lê Thị Tiên A trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Lê Thị Tiên A và ông Phan H không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Thị Tiên A và ông Phan H có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết có thể xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

2.3. Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Bà Lê Thị Tiên A tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E, số 0007835 ngày 26/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho bà Lê Thị Tiên A số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Phòng Thi hành án dân sự KV10 -TP.HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (10).

THẨM PHÁN



Phạm Thị Tuyết